PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI BỀN VỮNG TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN LUNG NGỌC HOÀNG, TỈNH HẬU GIANG

Lý Mỷ Tiên

Lê Thị Tố Quyên

Nguyễn Thị Mỹ Duyên

Tóm tắt: *Trong những năm gần đây, phát triển du lịch sinh thái bền vững tại các khu bảo tồn thiên nhiên đang rất được quan tâm. Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Lung Ngọc Hoàng là một trong những điểm du lịch đã và đang được tỉnh Hậu Giang quan tâm đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái cũng như bảo tồn sự đa dạng sinh thái. Trên cơ sở khảo sát 100 khách du lịch nội địa từng đến tham quan, nghiên cứu xác định các nhân tố tác động và đánh giá thực trạng phát triển du lịch sinh thái bền vững tại khu bảo tồn, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái bền vững tại đây.*

Từ khóa: *Du khách; Lung Ngọc Hoàng; Phát triển du lịch sinh thái bền vững.*

Khái quát chung

Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng thuộc địa bàn huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nằm ở vị trí tiếp giáp giữa 2 vùng sinh thái Tây sông Hậu và Bán đảo Cà Mau, cách thành phố Cần Thơ khoảng 40km, cách thành phố Vị Thanh khoảng 26km. Từ xa xưa, nơi đây có nhiều tôm cá, từng được xem là rún cá của miền Tây. Theo thống kê thì khu bảo tồn có diện tích 2805,37 ha, được thành lập vào năm 2002 trên nền tảng lâm trường Phương Ninh. Từ năm 1998, chính quyền địa phương bắt đầu xúc tiến chuyển đổi khu vực này từ rừng sản xuất sang khu bảo tồn đất ngập nước (Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Hậu Giang, 2021).

Khu bảo tồn có sự đa dạng sinh học cao, có ba phân khu chính là phân khu bảo tồn nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái và phân khu hành chính dịch vụ. Theo thống kê của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Hậu Giang (2021), về thực vật có khoảng 330 loài với 224 chi, 92 họ, trong đó có hơn 56 loài mới phát hiện. Về động vật, có khoảng 206 loài, là nơi sinh sống của nhiều loài động vật quý hiếm. Tại khu bảo tồn có khoảng 5 loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng ở quy mô toàn cầu như: dơi chó, chồn mực, cáo mèo, rái cá, rái móng; một số loài nằm trong sách đỏ thế giới như rùa nắp, rắn hổ… Theo thống kê, tại khu bảo tồn có 10 loài bò sát, trong đó tiêu biểu là loài rắn Mái gầm, rắn Cạp nong….; 135 loài chim nước với số lượng trên 20.000 con, trong đó có 9 loài quý hiếm được đưa vào sách đỏ Việt Nam như: Bạc má, Giang sen, Già đẫy, Cà cuốc, cò Ốc, cò Lạo xám, Ác là, Le khoang cổ, nhiều nhất là Vạc với mỗi bầy đến hàng ngàn con. Trong khu bảo tồn có tháp canh quan sát cao khoảng 25m, ở trên tháp canh có thể quan sát khu bảo tồn từ trên cao.

HÌNH 1. BẢN ĐỒ VỊ TRÍ KHU BẢO TỒN LUNG NGỌC HOÀNG



Nguồn: Sở VHTTDL tỉnh Hậu Giang, 2021.

Hiện nay, chính quyền tỉnh Hậu Giang rất quan tâm thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái tại khu bảo tồn Lung Ngọc Hoàng. Theo Quyết định số 1015/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, Đề án du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng đã được phê duyệt. Theo đề án, có 4 tuyến du lịch sinh thái chính sẽ được khai thác chủ yếu, với tổng vốn khoảng 370 tỷ đồng từ vốn ngân sách và xã hội hóa, chia làm 2 giai đoạn: giai đoạn 1 từ 2021 đến 2025, giai đoạn 2 từ 2026 đến 2030. Với tiềm năng du lịch phong phú cùng sự quan tâm đặc biệt của các cấp chính quyền, việc thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái, đặc biệt là phát triển du lịch sinh thái bền vững tại khu bảo tồn rất quan trọng, nhằm vừa khai thác tốt tiềm năng du lịch đem lại lợi nhuận kinh tế, vừa bảo tồn hệ sinh thái, hạn chế tác động của phát triển du lịch đến tự nhiên nơi đây. Thông qua khảo sát bảng hỏi 100 khách du lịch nội địa, nghiên cứu xác định các nhân tố tác động cũng như đánh giá thực trạng phát triển du lịch sinh thái bền vững tại khu bảo tồn, từ đó đề xuất những giải pháp phát triển phù hợp, góp phần đẩy mạnh phát triển du lịch kết hợp bảo tồn đa dạng sinh học tại đây.

1. Phương pháp nghiên cứu

1.1. Phương pháp tiếp cận

Phát triển du lịch bền vững nói chung và phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững nói riêng đều là những vấn đề đang rất được quan tâm hiện nay. Khái niệm "du lịch bền vững" (sustainable tourism) xuất hiện vào những năm 90 của thế kỷ 20, được nhiều quốc gia và hiệp hội du lịch lớn trên thế giới ủng hộ. Theo UNWTO và UNEP (2005), du lịch bền vững là loại hình du lịch khi phát triển cần chú ý sự cân bằng giữa môi trường, kinh tế và văn hóa xã hội, phát triển du lịch bền vững đóng vai trò quan trọng trong bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu các tác động của phát triển du lịch đến môi trường và văn hóa địa phương, bảo tồn tài nguyên cho thế hệ mai sau, đồng thời tạo ra nguồn thu nhập và việc làm cho người dân địa phương. Luật Du lịch số/09/2017/QH 14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua đã nêu: "Phát triển du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế - xã hội và môi trường, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch trong tương lai".

Khá gần với phát triển du lịch bền vững, phát triển du lịch sinh thái cũng là loại hình du lịch có trách nhiệm với tự nhiên, bảo tồn môi trường và phát triển cuộc sống của người dân địa phương. Phát triển du lịch sinh thái bền vững có nghĩa là không chỉ đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững mà còn làm giảm tối thiểu các tác động của khách du lịch đến văn hóa và môi trường, đảm bảo cho

địa phương được hưởng nguồn lợi tài nguyên do du lịch mang lại và cần chú trọng đến những đóng góp tài chính cho việc bảo tồn thiên nhiên. Thomas Klak (2007) cho rằng, phát triển du lịch sinh thái bền vững cần chú ý 3 khía cạnh chính, đó là bảo tồn sinh thái, phát triển kinh tế và đảm bảo công bằng về mặt xã hội. Trong đó, bảo tồn sinh thái là đảm bảo sự toàn vẹn về sinh thái thông qua bảo tồn, quản lý và phục hồi môi trường. Phát triển kinh tế chú ý đến khả năng kinh tế của cộng đồng, địa phương, công ty khai thác cũng như quốc gia. Các quốc gia có nền kinh tế kém khó có thể phân bổ được nguồn ngân sách phù hợp cũng như xây dựng cơ sở hạ tầng tốt để quy hoạch phát triển du lịch sinh thái bền vững hoặc một số nơi theo đuổi các dự án phát triển, xây dựng các công trình có thể làm suy yếu du lịch sinh thái. Công bằng xã hội chú ý đến khía cạnh lợi ích cộng đồng nhận được và sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch, cũng như sự giao lưu và bảo tồn văn hóa tại điểm.

Theo Regina R. Butarbutar và Soemarno (2012), phát triển du lịch sinh thái bền vững cần chú ý sự hài hòa trong mối quan hệ giữa cộng đồng địa phương, khách du lịch và điểm đến, vừa đảm bảo đáp ứng nhu cầu du khách, vừa phát triển bền vững môi trường và văn hóa cộng đồng.

Bùi Thị Minh Nguyệt (2012) khi đề xuất các giải pháp phát triển du lịch sinh thái bền vững đã chú ý đến các vấn đề về phát triển bền vững về kinh tế, phát triển bền vững về văn hóa, xã hội và phát triển bền vững về tài nguyên, môi trường. Khi phát triển du lịch sinh thái bền vững cần chú ý các nguyên tắc khai thác sử dụng nguồn lực một cách bền vững; giảm sự tiêu thụ quá mức tài nguyên và giảm thiểu chất thải; duy trì tính đa dạng, cả đa dạng thiên nhiên, đa dạng xã hội và đa dạng văn hóa; phát triển du lịch phải đặt trong quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội; lôi kéo sự tham gia của cộng đồng địa phương; lấy ý kiến quần chúng và các đối tượng có liên quan; chú trọng công tác đào tạo; tiếp thị du lịch một cách có trách nhiệm và coi trọng công tác nghiên cứu.

Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, tham khảo các mô hình nghiên cứu về khía cạnh có liên quan và điều kiện thực tế, đặc trưng của khu bảo tồn Lung Ngọc Hoàng, nhóm nghiên cứu đề xuất mô hình nghiên cứu thông qua các phát biểu giả thuyết (Hình 2) như sau:

H1: Tồn tại mối quan hệ cùng chiều giữa F1 với phát triển du lịch sinh thái bền vững tại khu bảo tồn Lung Ngọc Hoàng.

H2: Tồn tại mối quan hệ cùng chiều giữa F2 với phát triển du lịch sinh thái bền vững tại khu bảo tồn Lung Ngọc Hoàng.

H3: Tồn tại mối quan hệ cùng chiều giữa F3 với phát triển du lịch sinh thái bền vững tại khu bảo tồn Lung Ngọc Hoàng.

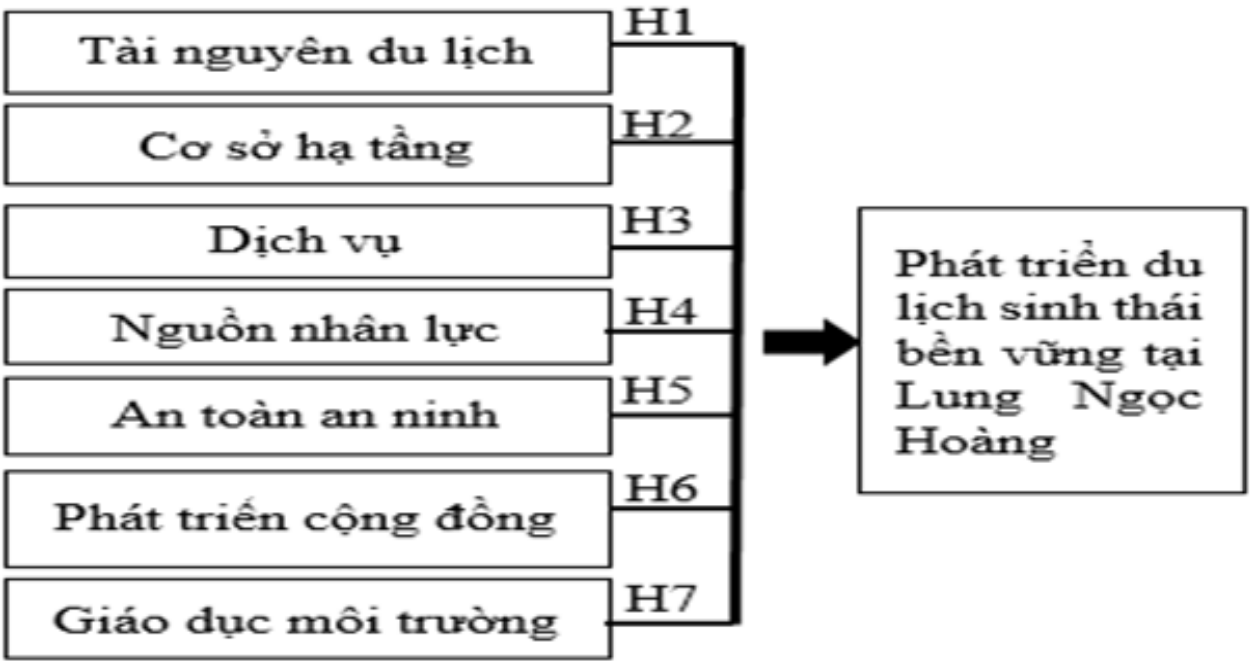
H4: Tồn tại mối quan hệ cùng chiều giữa F4 với phát triển du lịch sinh thái bền vững tại khu bảo tồn Lung Ngọc Hoàng.

H5: Tồn tại mối quan hệ cùng chiều giữa F5 với phát triển du lịch sinh thái bền vững tại khu bảo tồn Lung Ngọc Hoàng.

H6: Tồn tại mối quan hệ cùng chiều giữa F6 với phát triển du lịch sinh thái bền vững tại khu bảo tồn Lung Ngọc Hoàng.

H7: Tồn tại mối quan hệ cùng chiều giữa F7 với phát triển du lịch sinh thái bền vững tại khu bảo tồn Lung Ngọc Hoàng.

HÌNH 2. MÔ HÌNH CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI BỀN VỮNG Ở KHU BẢO TỒN LUNG NGỌC HOÀNG



Nguồn: Nhóm nghiên cứu đề xuất, 2021.

Trong đó, mô hình đề xuất 7 nhân tố (F1-7) là tài nguyên du lịch, cơ sở hạ tầng, dịch vụ, nguồn nhân lực, an toàn an ninh, phát triển cộng đồng và giáo dục môi trường với tổng cộng 39 biến quan sát (được gọi tên từ X_1 đến X_{39}).

F_1-"Tài nguyên du lịch" bao gồm 6 biến quan sát: (X1) Có nhiều hệ sinh thái tự nhiên điển hình; (X2) Món ăn ngon, đa dạng; (X3) Động, thực vật đặc trưng hệ sinh thái rừng ngập nước; (X4) Người dân địa phương thân thiện, mến khách; (X5) Không khí tự nhiên trong lành, chưa bị ô nhiễm, (X6) Môi trường tự nhiên còn hoang sơ, chưa bị tác động nhiều.

F_2- "Cơ sở hạ tầng" bao gồm 5 biến quan sát: (X7) Đường đến điểm du lịch thuận tiện, dễ dàng; (X8) Có nhiều cơ sở vui chơi giải trí quanh điểm du lịch; (X9) Nhà vệ sinh công cộng sạch sẽ; (X10) Hệ thống nhà nghỉ, khách sạn tiện nghi; (X11) Hệ thống nhà hàng đa dạng, tiện nghi.

F_3-"Dịch vụ" bao gồm 6 biến quan sát: (X12) Quà lưu niệm đa dạng, đặc trưng; (X13) Dịch vụ ăn uống đảm bảo vệ sinh; (X14) Giá dịch vụ ăn uống hợp lý; (X15) Giá dịch vụ mua sắm hợp lí, (X_{16}) Giá dịch vụ tham quan hợp lí; (X_{17}) Điểm du lịch có nhiều dịch vụ bảo trợ đáp ứng nhu cầu du khách.

F_4-"Nguồn nhân lực" bao gồm 5 biến quan sát: (X_{18}) Nhân viên phục vụ sẵn sàng giúp đỡ, đáp ứng nhu cầu của khách; (X_{19}) Nhân viên phục vụ lắng nghe và kịp thời giải quyết phàn nàn của khách; (X_{20}) Hướng dẫn viên có kiến thức, kỹ năng tốt; (X_{21}) Hướng dẫn viên có chuyên môn, nghiệp vụ cao; (X_{22}) Hướng dẫn viên có tác phong làm việc tốt.

F_5-"An toàn an ninh" bao gồm 7 biến

quan sát: (X_{23}) Không có tình trạng ăn xin tại điểm tham quan; (X_{24}) Không có tình trạng bán hàng rong; (X_{25}) Du khách không bị chèo kéo, nài ép; (X_{26}) Không có tình trạng trộm cắp tại điểm tham quan; (X_{27}) Các tàu du lịch được trang bị áo phao, cứu hộ; (X_{28}) Không có tình trạng chặt chém, nói thách giá; (X_{29}) Không có tình trạng cò mồi du lịch quấy nhiễu du khách.

F_6-"Phát triển cộng đồng" bao gồm 5 biến quan sát: (X_{30}) Đời sống người dân địa phương được cải thiện nhờ vào du lịch; (X_{31}) Văn hóa bản địa không bị ảnh hưởng bởi du lịch; (X_{32}) Có sự giao lưu giữa người dân với du khách; (X_{33}) Có sự hợp tác giữa các hộ dân để tạo nên cộng đồng du lịch; (X_{34}) Có nhiều dân địa phương cung cấp dịch vụ tham quan.

F_7-"Giáo dục môi trường" bao gồm 5 biến quan sát: (X_{35}) Các thông tin, biểu ngữ tại khu bảo tồn có tác dụng tốt trong khuyến khích khách bảo vệ môi trường; (X_{36}) Các tờ rơi tại khu bảo tồn giúp khách nâng cao hiểu biết về bảo vệ môi trường; (X_{37}) Chuyến đi giúp khách tăng kiến thức về đặc điểm sinh thái, đa dạng sinh học tại khu bảo tồn; (X_{38}) Chuyến đi giúp khách tăng nhận thức về bảo vệ môi trường; (X_{39}) Các quy định tham quan giúp Khu bảo tồn bảo vệ đa dạng sinh thái tại điểm.

1.2. Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu thứ cấp

Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ sách, báo và Internet về các vấn đề liên quan đến du lịch và phát triển du lịch sinh thái bền vững. Từ những dữ liệu thu thập được, tác giả tiến hành phân tích, đánh giá và tổng hợp nhằm phục vụ vấn đề nghiên cứu.

Dữ liệu sơ cấp

Dữ liệu sơ cấp được khảo sát bằng bảng hỏi với số lượng là 100 khách du lịch nội địa đến du lịch tại khu bảo tồn Lung Ngọc Hoàng. Theo Hair và cộng sự (2006), kích thước mẫu tối thiểu là 50, tốt nhất là từ trên 100 và cỡ mẫu tối thiểu phải gấp 5 lần số biến. Hair và cộng sự (1998) cũng cho rằng, để sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá thì tỉ lệ quan sát/biến đo lường phải là 5:1, nghĩa là một biến đo lường cần tối thiểu là 5 quan sát. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008) cũng cho rằng cỡ mẫu ít nhất phải bằng 4 hay 5 lần số biến trong phân tích nhân tố. Tác giả có kích cỡ mẫu là 100, đáp ứng được yêu cầu đặt ra và đảm bảo về mặt thống kê.

Nghiên cứu sử dụng thang đo 5 mức độ do Rennis Likert đề xuất (1932) để đo lường sự đánh giá của du khách: 1= Hoàn toàn không đồng ý, 2= Không đồng ý, 3= Trung lập, 4= Đồng ý, 5= Rất đồng ý.

Thời gian phỏng vấn được tiến hành từ tháng 3 đến tháng 4 năm 2021 với phương pháp lấy mẫu là phi xác suất kiểu thuận tiện.

1.3. Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu nghiên cứu được xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS phiên bản 20.0 với các phương pháp: thống kê mô tả, đánh giá độ tin cậy thang đo, phân tích nhân tố.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái quát mẫu nghiên cứu

Kết quả điều tra cho thấy, trong 100 du khách thì có 57,5% nam và 42,5% nữ. Mẫu nghiên cứu cũng đa dạng về độ tuổi, trong đó 67% ở độ tuổi dưới 18, 28% ở độ tuổi từ 18-30, 5% ở độ tuổi trên 30.

Về trình độ học vấn, trình độ trung học phổ thông trở xuống chiếm tỉ lệ cao nhất (60%). Sau đó là trình độ cao đẳng, đại học (33,3%) và ít nhất là trình độ trên đại học (6,7%).

Về nơi cư trú, có đến 94% du khách đến từ các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài

ra, có 6% du khách đến từ thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Bình Phước.

2.2. Các nhân tố tác động đến phát triển du lịch sinh thái bền vững ở khu bảo tồn Lung Ngọc Hoàng

Nghiên cứu sử dụng phương pháp đánh giá độ tin cậy thang đo để loại bỏ những biến không đủ điều kiện. Điều kiện để một biến quan sát được giữ lại nếu hệ số tương quan biến tổng Item – Total Correlation của biến quan sát đó phải lớn hơn 0,3 và Cronbach's Alpha không nhỏ hơn 0,6 vì Cronbach's Alpha từ 0,8 đến gần 1 thì thang đo lường là tốt, từ 0,6 đến gần 0,8 là sử dụng được (Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc 2008, tr.24).

Sau khi đánh giá độ tin cậy thang đo 39 biến, không có biến nào bị loại. Như vậy, thang đo lường tốt, 39 biến đo lường của các thành phần này sẽ được sử dụng trong phân tích EFA tiếp theo.

BẢNG 1. ĐÁNH GIÁ ĐỘ TIN CẬY THANG ĐO

TT	Nhân tố	Hệ số Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến tổng	Số biến
1	Tài nguyên du lịch	0,778	0,399-0,627	6
2	Cơ sở hạ tầng	0,773	0,489-0,599	5
3	Dịch vụ	0,779	0,431-0,700	6
4	Nguồn nhân lực	0,891	0,658-0,797	5
5	An toàn an ninh	0,835	0,521-0,692	7
6	Phát triển cộng đồng	0,781	0,439-0,659	5
7	Giáo dục môi trường	0,776	0,398-0,634	5

Nguồn: Phỏng vấn du khách, n=100.

Theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008) thì KMO lớn, nằm ở khoảng 0,5 và 1 là điều kiện đủ để phân tích nhân tố, KMO < 0,5 thì phân tích nhân tố có khả năng không thích hợp, nếu kiểm định Bartlett có giá trị Sig. > 0,05 thì không nên áp dụng phân tích nhân tố. Theo Khánh Duy (2021) (trích dẫn lại từ Gerbing và Anderson (1988)), yêu cầu phương sai trích phải lớn hơn 50%.

Sau khi kiểm định, chỉ số KMO của dữ liệu = 0,776 và Bartlett có giá trị Sig. = 0,000 (<0,005), có phương sai trích là 73,551% (>50%). Vậy dữ liệu thích hợp để phân tích nhân tố khám phá.

BẢNG 2. MA TRẬN NHÂN TỐ SAU XOAY

Biến quan sát	Nhân tố						
	1	2	3	4	5	6	7
X20	0,824						
X22	0,791						
X21	0,748						

X18	0,694						
X19	0,685						
X14		0,832					
X16		0,731					
X15		0,709					
X6		0,553					
X28			0,826				
X24			0,797				
X26			0,797				
X23			0,754				
X3				0,854			
X4				0,780			
X5				0,761			
X38				0,586			
X33					0,793		
X34					0,758		
X37					0,645		
X8						0,767	
X17						0,703	
X9						0,578	
X31							0,812
X13							0,571

Nguồn: Phỏng vấn du khách 2021, n=100.

Dựa vào bảng ma trận nhân tố sau khi xoay (Bảng 2), có 7 nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch sinh thái bền vững ở khu bảo tồn Lung Ngọc Hoàng: Nhân tố 1 (F1) chịu sự tác động của 5 biến đo lường có tên là "Nguồn nhân lực". Nhân tố 2 (F2) chịu sự tác động của 4 biến đo lường có tên là "Giá cả dịch vụ và môi trường". Nhân tố 3 (F3) chịu sự tác động của 4 biến đo lường có tên là "an toàn an ninh". Nhân tố 4 (F4) chịu sự tác động của 4 biến đo lường có tên là "Tài nguyên du lịch". Nhân tố 5 (F5) chịu sự tác động của 3 biến đo lường có tên là "Phát triển cộng đồng và giáo dục môi trường". Nhân tố 6 (F6) chịu sự tác động của 3 biến đo lường có tên là "Cơ sở hạ tầng". Nhân tố 7 (F7) chịu sự tác động của 2 biến đo lường có tên là "chất lượng dịch vụ và bảo tồn văn hóa".

Theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), các nhân tố chung có thể được diễn tả như những kết hợp tuyến tính của các biến quan sát bằng phương trình nhân tố: $F_i=W_{i1}X_1+ W_{i2}X_2+ W_{i3}X_3+…+ W_{ik}X_k$. Trong đó, F_i là ước lượng trị số của nhân tố i, W_i là quyền số hay trọng số nhân tố, k là số biến.

Dựa vào kết quả phân tích nhân tố, ta có các phương trình nhân tố sau:

$F_1 = 0,25\ X_{18} + 0,23\ X_{19} + 0,343\ X_{20} + 0,291\ X_{21} + 0,38\ X_{22}$

Nhân tố 1- "Nguồn nhân lực", chịu sự tác động của 5 biến: X_{18}, X_{19}, X_{20}, X_{21}, X_{22}. Các yếu tố này đều tác động cùng chiều, trong đó, biến X_{20}, X_{21}, X_{22} tác động mạnh nhất đến nhân tố "nguồn nhân lực".

$F2 = 0,221\ X_6 + 0,406\ X_{14} + 0,318\ X_{15} + 0,323\ X_{16}$

Nhân tố 2- nhân tố "giá cả dịch vụ và môi trường" chịu sự tác động của 4 biến: X_6, X_{14}, X_{15}, X_{16}. Các yếu tố này đều tác động cùng chiều, trong đó biến X_{14}, X_{16} tác động mạnh nhất đến nhân tố "giá cả dịch vụ và môi trường".

$F3 = 0,271\ X_{23} + 0,328\ X_{24} + 0,306\ X_{26} + 0,332\ X_{28}$

Nhân tố 3- nhân tố "an toàn an ninh" chịu tác động của 4 biến: X_{23}, X_{24}, X_{26}, X_{28}. Các yếu tố này đều tác động cùng chiều, trong đó biến X_{24}, X_{28} tác động mạnh nhất đến nhân tố "an toàn an ninh".

$F4 = 0,368\ X_3 + 0,306\ X_4 + 0,301\ X_5 + 0,177\ X_{38}$

Nhân tố 4- nhân tố "tài nguyên du lịch" chịu tác động của 4 biến: X_3, X_4, X_5, X_{38}. Các yếu tố này đều tác động cùng chiều, trong đó biến X_3, X_4 tác động mạnh nhất đến nhân tố "tài nguyên du lịch".

$F5 = 0,38\ X_{33} + 0,37\ X_{34} + 0,317\ X_{37}$

Nhân tố 5- nhân tố "phát triển cộng đồng và giáo dục môi trường" chịu tác động của 3 biến: X_{33}, X_{34}, X_{37}. Các yếu tố này đều tác động cùng chiều, trong đó biến X_{33} tác động mạnh nhất đến nhân tố "phát triển cộng đồng và giáo dục môi trường".

$F6 = 0,45\ X_8 + 0,327\ X_9 + 0,407\ X_{17}$

Nhân tố 6- nhân tố "cơ sở hạ tầng" chịu tác động của 3 biến: X_8, X_9, X_{17}. Các yếu tố này đều tác động cùng chiều, trong đó biến X_8 tác động mạnh nhất đến nhân tố "cơ sở hạ tầng".

$F7 = 0,445\ X_{13} + 0,673\ X_{31}$

Nhân tố 7- nhân tố "chất lượng dịch vụ và bảo tồn văn hóa" chịu tác động của 2 biến: X_{13}, X_{31}. Các yếu tố này đều tác động cùng chiều, trong đó biến X_{31} tác động mạnh nhất đến nhân tố "chất lượng dịch vụ và bảo tồn văn hóa".

2.3. Hiện trạng phát triển du lịch sinh thái bền vững ở khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng

Trên cơ sở xác định các nhân tố tác động đến phát triển du lịch sinh thái bền vững của khu bảo tồn Lung Ngọc Hoàng, nhóm nghiên cứu thông qua đánh giá của du khách để bước đầu khái quát hiện trạng phát triển du lịch sinh thái bền vững ở đây. Trong các nhân tố được xác định thì nhân tố nguồn nhân lực là một trong những nhân tố được chú ý đầu tiên.

BẢNG 3. ĐÁNH GIÁ CỦA DU KHÁCH VỀ NGUỒN NHÂN LỰC

Biến đo lường	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Nhân viên phục vụ sẵn sàng giúp đỡ, đáp ứng yêu cầu của khách - X_{18}	4,08	0,598
Nhân viên phục vụ lắng nghe, kịp thời giải quyết phàn nàn của khách- X_{19}	4,03	0,643
Hướng dẫn viên tại điểm có kiến thức, kỹ năng thuyết minh tốt- X_{20}	4,06	0,649

Biến đo lường	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Hướng dẫn viên tại điểm có chuyên môn, nghiệp vụ cao- X_{21}	3,85	0,702
Hướng dẫn viên tại điểm có tác phong làm việc tốt - X_{22}	4,04	0,634

Nguồn: Phỏng vấn du khách 2021, n=100.

Hiện nay, ở khu bảo tồn, tổng số nguồn nhân lực hiện có khoảng trên 40 người, gồm cả hoạt động chuyên trách trong Khu bảo tồn và du lịch. Nguồn nhân lực hoạt động phục vụ du lịch chủ yếu dành cho chuyên chở khách du lịch đi tham quan tại điểm và nhân viên thuyết minh tại điểm. Nhìn chung, theo đánh giá của du khách, đa phần đều khá hài lòng với chất lượng nguồn nhân lực tại điểm. Tuy nhiên, hướng dẫn viên thuyết minh tại điểm chủ yếu do nhân viên làm việc tại khu bảo tồn đảm nhận, một số đã được đào tạo chuyên nghiệp, một số chỉ là hoạt động kiêm nhiệm nên trình độ chuyên môn, nghiệp vụ chưa thật sự cao.

Nhìn chung, giá cả dịch vụ tại Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng khá phù hợp với du khách. Giá vé tham quan Khu bảo tồn khoảng 60.000đ dành cho người lớn, trẻ em từ 6 tuổi trở lên bằng ½ giá vé người lớn. Ngoài ra, nếu du khách có nhu cầu sử dụng xuồng máy tham quan thì trả thêm chi phí khoảng 50.000đ, sử dụng dịch vụ đạp xe thì có thể thuê theo giờ. Về dịch vụ ăn uống, các món ăn tại điểm thường là các món đặc sản của miền Tây, giá dao động từ vài chục đến vài trăm nghìn, phù hợp với mọi đối tượng khách. Môi trường tại điểm còn khá hoang sơ, tuy nhiên việc sử dụng dịch vụ vận chuyển đường thủy là vỏ lãi (thuyền máy nhỏ) để chuyên chở du khách trong khu bảo tồn vẫn có tác động nhất định đến môi trường tự nhiên như gây tiếng ồn, ảnh hưởng đến một số loài sinh sống tại đây.

BẢNG 4. ĐÁNH GIÁ CỦA DU KHÁCH VỀ GIÁ CẢ DỊCH VỤ VÀ MÔI TRƯỜNG

Biến đo lường	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Giá dịch vụ ăn uống hợp lí- X_{14}	3,78	0,629
Giá dịch vụ mua sắm hợp lí- X_{15}	3,77	0,679
Giá dịch vụ tham quan hợp lí- X_{16}	3,87	0,562
Môi trường tự nhiên hoang sơ, chưa bị tác động nhiều- X_6	3,87	0,825

Nguồn: Phỏng vấn du khách 2021, n=100.

Vấn đề an toàn an ninh được ban quản lý khu bảo tồn quan tâm. Tại đây có đội ngũ quản lý kiêm bảo vệ trị an tại điểm. Các hoạt động bán hàng rong, trộm cắp, ăn xin đều được quản lý chặt chẽ. Du khách ít khi bị quấy nhiễu mời gọi mua hàng rong hoặc xin tiền trong khi tham quan. Ngoài ra, giá cả các dịch vụ đều được niêm yết rõ ràng, riêng đối với dịch vụ ăn uống thì giá cả thực tế có thể có sự điều chỉnh đôi chút đối với giá niêm yết trên thực đơn nhưng du khách sẽ được nhân viên phục vụ thông báo khi gọi món. Khi đến Khu bảo tồn, một số du khách có thể chọn tham quan bằng vỏ lãi, khi di chuyển vẫn còn nhiều du

khách không mặc áo phao, nhân viên vận chuyển cũng chưa thật sự quan tâm nhắc nhở du khách vấn đề đảm bảo an toàn khi di chuyển bằng đường thủy.

BẢNG 5. ĐÁNH GIÁ CỦA DU KHÁCH VỀ AN TOÀN AN NINH

Biến đo lường	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Không có tình trạng ăn xin tại điểm tham quan- X_{23}	3,91	0,637
Không có tình trạng bán hàng rong- X_{24}	3,66	0,639
Không có tình trạng trộm cắp diễn ra tại điểm du lịch- X_{26}	3,77	0,763
Không có tình trạng chặt chém bán thách giá- X_{28}	3,67	0,739

Nguồn: Phỏng vấn du khách 2021, n=100.

Về tài nguyên du lịch, khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng được mệnh danh là lá phổi xanh tại miền Tây với hệ sinh thái đa dạng, vẫn còn bảo tồn được nhiều vẻ hoang sơ, có không khí trong lành mát mẻ. Theo các tuyến bờ, ban quản lý đã trồng bổ sung các cây bản địa như cà na, trâm, sắn, dừa… làm cảnh quan thêm thoáng mát. Đồng thời, khu bảo tồn cũng đã phối hợp với các trường đại học tiến hành nghiên cứu các đề tài về bảo tồn đa dạng sinh học như đề tài bảo tồn phục hồi nguồn lợi thủy sản, dự án vườn sưu tập được triển khai góp phần bảo tồn nguồn gen các loài động, thực vật hiện hữu. Tại đây, khi du khách đến tham quan sẽ được nhân viên phục vụ cũng như nhân viên thuyết minh trình bày sự đa dạng sinh thái tại khu bảo tồn, góp phần giúp du khách tăng thêm nhận thức về bảo vệ môi trường sau khi tham quan. Ngoài ra, hằng năm, khu bảo tồn đều tổ chức các cuộc tuyên truyền đến người dân về ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ các loài động vật quý hiếm.

BẢNG 6. ĐÁNH GIÁ CỦA DU KHÁCH VỀ TÀI NGUYÊN DU LỊCH

Biến đo lường	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Động, thực vật đặc trưng hệ sinh thái ngập nước - X_3	4,01	0,785
Người dân địa phương thân thiện, mến khách - X_{14}	4,16	0,748
Không khí tự nhiên trong lành, chưa bị ô nhiễm - X5	4,04	0,737
Chuyến đi giúp tăng nhận thức về bảo vệ môi trường - X38	3,99	0,595

Nguồn: Phỏng vấn du khách 2021, n=100.

Tại khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, theo thống kê tại địa phương, có khoảng 840 hộ dân đang sinh sống. Khi du lịch phát triển, người dân tham gia vào hoạt động phục vụ du khách như chuyên chở, phục vụ ẩm thực cho du khách và bảo vệ an toàn an ninh tại điểm, tuy nhiên, số lượng tham gia vẫn còn rất ít. Người dân sống trong khu vực chủ yếu tham gia cộng tác, thuê mướn đất, vừa canh tác nông nghiệp vừa bảo vệ rừng. Ngoài ra, cộng đồng địa phương chưa được đào tạo, huấn luyện các khóa nghiệp vụ liên quan đến hoạt động du lịch nên khả năng tiếp đón khách chưa cao. Về giáo dục môi trường cho du khách, hiện tại khu bảo tồn vẫn còn ít các băng

rôn, khẩu hiệu, cũng như các tờ rơi tuyên truyền về môi trường sinh thái. Số lượng thùng rác bố trí trong khu bảo tồn dọc theo con đường tham quan của khách cũng còn khá ít. Việc xả rác khi tham quan hay không chủ yếu dựa vào ý thức của mỗi du khách nhiều hơn.

BẢNG 7. ĐÁNH GIÁ CỦA DU KHÁCH VỀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG VÀ GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG

Biến đo lường	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Có sự hợp tác giữa các hộ dân để tạo thành cộng đồng du lịch- X_{33}	3,94	0,664
Có nhiều dân địa phương tham gia cung cấp dịch vụ du lịch-X_{34}	3,91	0,653
Chuyến đi giúp khách tăng kiến thức về đặc điểm sinh thái, đa dạng sinh học tại Khu bảo tồn	4,02	0,586

Nguồn: Phỏng vấn du khách 2021, n=100.

Về cơ sở hạ tầng, khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng có vị trí tương đối thuận lợi để liên kết tuyến điểm du lịch. Điểm du lịch chỉ cách thành phố Cần Thơ khoảng 40km, cách thành phố Sóc Trăng khoảng 35km, dễ dàng kết nối với quốc lộ 61, 1A, đường tỉnh 927, 928. Khu bảo tồn đã xây dựng khoảng 20 cây cầu, có đường mòn bê tông rộng khoảng 1,5m dài gần 26km, tạo thành vòng tròn khép kín bao quanh các lung lớn, lung nhỏ. Theo Đề án du lịch sinh thái Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng thì Khu bảo tồn đang quy hoạch phát triển 04 tuyến du lịch nội khu, gồm: Trung tâm Điều hành đón tiếp - Hệ sinh thái đất ngập nước - Điểm du lịch sinh thái Lung Sen - Lung Lớn - Mô hình canh tác nông nghiệp; Trung tâm Điều hành đón tiếp - Hệ sinh thái rừng tràm - Điểm nuôi động vật bán hoang dã - Điểm giáo dục môi trường - Điểm du lịch sinh thái Lung Sen - Lung Lớn; Trung tâm Điều hành đón tiếp - Hệ sinh thái rừng tràm - Điểm câu cá - Khu vui chơi giải trí - Khu lâm viên - Mô hình canh tác nông nghiệp và Khu nghỉ dưỡng sinh thái. Khi khách du lịch đến tham quan, có thể tham gia hoạt động gác kèo ong, chơi đạp xe vượt cầu, bắt cá… Nhìn chung, cơ sở hạ tầng tại điểm đang được chú ý đầu tư đồng bộ, tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế nhất định như nhà vệ sinh vẫn chưa thật sự sạch sẽ và khá ít, đường vào điểm du lịch hiện tại còn khá nhỏ, xe 16 chỗ có thể tiếp cận nhưng xe 45 chỗ khó tiếp cận. Các cơ sở phục vụ vui chơi giải trí còn hạn chế, chưa có nhiều điểm bán hàng lưu niệm, phục vụ nhu cầu mua sắm của du khách.

BẢNG 8. ĐÁNH GIÁ CỦA DU KHÁCH VỀ CƠ SỞ HẠ TẦNG

Biến đo lường	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Có nhiều cơ sở vui chơi giải trí quanh điểm du lịch- X_8	3,74	0,787
Nhà vệ sinh công cộng sạch sẽ thoải mái- X_9	3,51	0,759
Điểm du lịch có nhiều dịch vụ bảo trợ đáp ứng nhu cầu du khách- X_{17}	3,75	0,716

Nguồn: Phỏng vấn du khách 2021, n=100.

Tại khu bảo tồn thiên Lung Ngọc Hoàng, văn hóa cộng đồng cư dân địa phương vẫn được bảo lưu tốt. Văn hóa bản địa ít bị ảnh hưởng bởi hoạt động du lịch và du khách. Hoạt động ẩm thực chủ yếu dùng nguồn nguyên liệu có sẵn, chế biến tại chỗ khi khách yêu cầu nên đảm bảo

vệ sinh an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, thời gian chế biến một số món còn lâu, nếu phục vụ đoàn đông sẽ hạn chế. Nhiều nguyên liệu được người dân khai thác ngay tại khu bảo tồn như các loại cá đồng nên nếu phát triển về lâu dài có thể dẫn đến giảm nguồn cung.

BẢNG 9. ĐÁNH GIÁ CỦA DU KHÁCH VỀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ BẢO TỒN VĂN HÓA

Biến đo lường	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Dịch vụ ăn uống đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm- X_{13}	3,91	0,534
Văn hóa bản địa không bị ảnh hưởng bởi du lịch- X_{31}	3,80	0,765

Nguồn: Phỏng vấn du khách 2021, n=100.

Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, có 7 nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển du lịch sinh thái bền vững ở khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng. Xét về tiềm năng, khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng có sự đa dạng sinh học cao, môi trường trong lành, thoáng mát, rất thích hợp để phát triển du lịch sinh thái. Nhằm đẩy mạnh phát triển bền vững loại hình du lịch sinh thái tại địa phương, ban quản lý khu bảo tồn cũng như các cấp chính quyền có liên quan cần chú trọng hơn nữa trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tận dụng nguồn nhân lực có sẵn là người dân địa phương sống trong khu bảo tồn. Có thể tổ chức các buổi tập huấn nghiệp vụ du lịch cho nhân viên khu bảo tồn và các hộ dân tham gia hoạt động du lịch, khuyến khích các hộ dân duy trì nghề truyền thống như đan lát, làm các sản phẩm lưu niệm từ lục bình để bán cho du khách, tăng thêm thu nhập, đưa các sản phẩm thủ công tại địa phương vào trưng bày và bán cho khách tại các quầy lưu niệm. Đối với các hộ dân được giao đất của khu bảo tồn để canh tác nông nghiệp, có thể khuyến khích tham gia phục vụ cung cấp dịch vụ lưu trú, ăn uống và hướng dẫn khách tham quan.

Hiện tại, đường vào khu bảo tồn còn khá nhỏ, xe 45 chỗ khó tiếp cận đến tận điểm du lịch nên để phát triển bền vững, lâu dài thì việc đầu tư mở rộng hệ thống giao thông là việc hết sức cần thiết. Ngoài ra, hệ thống nhà vệ sinh công cộng cần được chú ý đảm bảo và cung cấp đủ chỗ cho khách sử dụng trong mùa cao điểm. Khu bảo tồn cũng cần bổ sung thêm các chòi dừng chân để du khách nghỉ ngơi trong quá trình tham quan. Đồng thời, xây dựng thêm một số khu lưu trữ các mẫu sinh thái của khu bảo tồn, vừa góp phần thu hút du khách vừa tạo điều kiện để nghiên cứu bảo tồn hệ sinh thái tại điểm.

Khu bảo tồn cũng cần bổ sung các quy định về bảo vệ môi trường khi tham quan, đưa ra các biện pháp xử phạt hợp lí nếu du khách không tuân thủ. Bổ sung các biển giới thiệu về các loài cây cũng như các loài thú trong khu bảo tồn để nâng cao nhận biết của du khách về sự đa dạng sinh học tại điểm và tăng ý thức bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh quảng bá về khu bảo tồn và các chương trình du lịch tại đây thông qua các kênh truyền thông cũng như ấn hành các sản phẩm sách, tờ rơi quảng cáo về khu bảo tồn. Khu bảo tồn hiện có trang thông tin điện tử riêng nhưng vẫn còn khá sơ sài, chưa hấp dẫn, cần chú trọng đầu tư hơn nữa về hình ảnh, thông tin về khu bảo tồn, về hoạt động du lịch tại điểm để thu hút khách du lịch. Thành lập các đội kiểm tra nhằm đảm bảo việc tuân thủ các quy định về môi trường khi tham quan của du khách cũng như về đảm bảo an toàn an ninh trong khai thác du lịch tại đây, giám sát và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, nhằm đảm bảo khai thác tài

nguyên sinh thái bền vững lâu dài.

Nhìn chung, trong tương lai, để đảm bảo phát triển du lịch sinh thái bền vững tại khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, ban quản lý cũng như các cấp chính quyền có liên quan cần chú ý phát triển du lịch sinh thái song song với bảo vệ môi trường, bảo tồn sự đa dạng sinh học, hạn chế sự tác động của du lịch đến môi trường sinh thái và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch để phát triển kinh tế, góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa của cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Thị Minh Nguyệt (2012). Giải pháp phát triển du lịch sinh thái bền vững tại vườn quốc gia Ba Vì. *Tạp chí Khoa học và công nghệ Lâm nghiệp*, số 1/2012, tr 148-160.
2. Hair J.F, Anderson R.E, Tatham R.L, and Black W.C (2006). *Multivariate data analysis*. Prentice-Hall, International, Inc
3. Hair J.F, Anderson R.E, Tatham R.L, and Black W.C. (1998). *Multivariate data analysis with reading.* 5th ed. Prentice-Hall, New Jersey.
4. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (tập 2)*, NXB Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Khánh Duy (2021). *Phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis) bằng SPSS*. Truy cập tại http://sdcc.vn/template/4569_AM08-L11V.pdf ngày 20/10/2021.
6. Quốc hội Việt Nam (2017). *Luật du lịch Việt Nam*. Truy cập tại https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Luat-du-lich-2017-322936.aspx ngày 21/10/2021.
7. Regina R. Butarbutar and Soemarno (2012). *Community empowerment efforts in sustainable ecotourism management in North Sulawesi, Indonesia*. J-PAL, Vol. 3, No. 1, 2012, p 1-7.
8. Sarfaraz Hashemkhani Zolfani, Maedeh Sedaghat, Reza Maknoon and Edmundas Kazimieras Zavadskas (2015). *Sustainable tourism: a comprehensive literature review on frameworks and applications*. Economic Research-Ekonomska Istraživanja, 28(1), p 1-30, DOI: 10.1080/1331677X.2014.995895.
9. Thomas Klak (2007). *Phát triển du lịch sinh thái bền vững ở miền Trung Châu Mỹ và vùng Caribê: Đánh giá lí luận và khái niệm*. Geography Compass 1/5 (2007): p 1037–1057, DOI: 10.1111/j.1749-8198.2007.00055.
10. UNEP and UNWTO (2005). *Making tourism more sustainable-A guide for policy makers.* Sở Văn hóa thể thao và du lịch tỉnh Hậu Giang (2021). Đề án du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng Truy cập tại https://sovhttdl.haugiang.gov.vn/documents/181479/181698/20201006140345.doc/b788787d-d2bd-7cb7-5f62-22b41ebbc514 ngày 20/10/2021.

Thông tin tác giả:
1. Lý Mỷ Tiên, ThS.
- Đơn vị công tác: Đại học Cần Thơ
- Địa chỉ email: lmtien@ctu.edu.vn
2. Lê Thị Tố Quyên, ThS.
- Đơn vị công tác: Đại học Cần Thơ
3. Nguyễn Thị Mỹ Duyên, ThS.
- Đơn vị công tác: Đại học An Giang.

Ngày nhận bài:13/12/2021
Ngày nhận bản sửa: 9/2/2022
Ngày duyệt đăng: 24/2/2022